

Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ 03 THÀNH PHỐ  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 45/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2022 CỦA HĐND TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nguồn vốn đầu tư theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh			Điều chỉnh Phụ lục 1 Nghị Quyết số 45/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh			Tăng (+), giảm (-) so với NQ số 45/NQ-HĐND	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (khái toán)	Trong đó:		Tổng mức đầu tư	Trong đó:			
					Dự kiến ngân sách Tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	Vốn NS thành phố đối ứng; vốn huy động hợp pháp khác		Ngân sách Tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	Vốn NS thành phố đối ứng; vốn huy động hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b><u>TỔNG SỐ</u></b>			<b><u>3.041.465</u></b>	<b><u>1.600.000</u></b>	<b><u>1.486.465</u></b>	<b><u>2.899.483</u></b>	<b><u>1.600.000</u></b>	<b><u>1.299.483</u></b>		
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ CAO LÃNH</b>			<b>672.000</b>	<b>500.000</b>	<b>172.000</b>	<b>620.749</b>	<b>500.000</b>	<b>120.749</b>		
1	Đường ĐT 846 nối dài (đoạn từ cầu Ông Thợ - đường Trần Bá Lê) và cầu Ông Thợ (xã Mỹ Tân - xã Hòa An)	TPCL	2024-2025	319.000	240.000	79.000	217.051	185.000	32.051	-55.000	
	Cầu qua sông Cao Lãnh (Phường 3 - Phường 6)	TPCL		213.000	160.000	53.000				-160.000	
2	Nâng cấp và mở rộng đường Phạm Hữu Lầu (cầu Cái Tôm đến đường Thiên Hộ Dương)	TPCL	2023-2025	140.000	100.000	40.000	133.577	110.000	23.577	10.000	
3	Đường cống Hồ Chúa Cang qua bến đò Mỹ An Hưng B	TPCL	2023-2025				103.352	70.000	33.352	70.000	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nguồn vốn đầu tư theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh			Điều chỉnh Phụ lục 1 Nghị Quyết số 45/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh			Tăng (+), giảm (-) so với NQ số 45/NQ-HĐND	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (khái toán)	Trong đó:		Tổng mức đầu tư	Trong đó:			
					Dự kiến ngân sách Tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	Vốn NS thành phố đối ứng; vốn huy động hợp pháp khác		Ngân sách Tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	Vốn NS thành phố đối ứng; vốn huy động hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Đường Nguyễn Văn Tre (đoạn từ đường N15 - đường Vành Đai Tây)	TPCL	2024-2026				166.769	135.000	31.769	135.000	
II	THÀNH PHỐ SA ĐÉC			628.381	400.000	228.381	769.761	400.000	369.761		
1	Đường song song đường hoa Sa Đéc (Sa Nhiên - Cai Dao)	TPSĐ	2024-2025	227.212	150.000	77.212	225.671	150.000	75.671		
2	Đường ĐT 852B - giai đoạn 2 (từ ĐT 848 hiện hữu đến nút giao thông đường vành đai ĐT 848)	TPSĐ	2024-2026	401.169	250.000	151.169	544.090	250.000	294.090		
III	THÀNH PHỐ HỒNG NGŨ			1.741.084	700.000	1.086.084	1.508.972	700.000	808.972		
1	Đường Nguyễn Tất Thành, phường An Lộc	TPHN	2023-2024	176.868	150.000	26.868	176.869	100.000	76.869	-50.000	
2	Đường Võ Nguyên Giáp, phường An Lộc	TPHN	2023-2024	117.216	100.000	17.216	61.535	40.000	21.535	-60.000	
3	Đường ra biên giới, xã Tân Hội	TPHN	2024-2025	395.000	50.000	345.000	221.168	50.000	171.168		
4	Đường kết nối Cụm công nghiệp	TPHN	2023-2025	95.000	90.000	50.000	72.851	50.000	22.851	-40.000	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nguồn vốn đầu tư theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND của HĐND của HĐND Tỉnh			Điều chỉnh Phụ lục 1 Nghị Quyết số 45/NQ-HĐND của HĐND của HĐND Tỉnh			Tăng (+), giảm (-) so với NQ số 45/NQ-HĐND	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (khái toán)	Trong đó:		Tổng mức đầu tư	Trong đó:			
					Dự kiến ngân sách Tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	Vốn NS thành phố đối ứng; vốn huy động hợp pháp khác		Ngân sách Tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2021-2025	Vốn NS thành phố đối ứng; vốn huy động hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường Tuyến dân cư Mường Nhà Máy	TPHN	2024-2026	847.000	210.000	637.000	846.371	380.000	466.371	170.000	
6	Dự án hạ tầng nông nghiệp đô thị	TPHN	2024-2025	110.000	100.000	10.000	130.178	80.000	50.178	-20.000	



































































































